

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/DS-PT

Ngày 08/02/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Kim L**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp 1, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 160 Ngô Thời N, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: **Đặng Thu H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp An Đ, xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Đặng Thu H.

(Chị L và bà H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Lê Thị Kim L trình bày:

Chị L có cho bà Đặng Thu H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

+ Ngày 08/12/2020 Chị L cho bà H vay số tiền 80.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi, trả ngân hàng, có viết biên nhận, hạn đến ngày 08/02/2021 sẽ trả tiền.

+ Ngày 15/5/2021 Chị L cho bà H vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi, trồng trọt, có viết biên nhận, hạn đến ngày 11/6/2021 sẽ trả tiền.

+ Ngày 01/6/2021 Chị L cho bà H vay số tiền 170.000.000 đồng, mục đích trả ngân hàng, có viết biên nhận, hạn đến ngày 01/8/2021 sẽ trả tiền.

+ Ngày 01/8/2021 Chị L cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích trả ngân hàng, có viết biên nhận, hạn đến ngày 01/10/2021 sẽ trả tiền. Trong biên nhận này có 70.000.000 đồng là tiền lãi của những lần vay trước nên khi hòa giải ở ấp An Đ Chị L mới đòi phải trả là 300.000.000 đồng.

Tổng cộng là 370.000.000 đồng, bà H có giao 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Thu H (bản chính), 01 bản chính sổ hộ khẩu, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1120, tờ bản đồ số 6 và thửa 874, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (bản chính) cho Chị L giữ.

Trong các biên nhận ghi là mượn tiền nhưng thực chất là Chị L cho bà H vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Từ ngày vay đến nay bà H chỉ trả được 02 lần lãi số tiền 5.000.000 đồng nên Chị L yêu cầu bà H trả tiền vay 370.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật và chỉ yêu cầu một mình bà H trả, không yêu cầu chồng bà H liên đới trả nợ. Ngoài 04 lần vay có biên nhận như đã nêu trên thì bà H không vay của Chị L lần nào khác.

- Bị đơn bà Đặng Thu H trình bày:

Trong năm 2021, bà H có vay tiền của Chị L 03 lần, không nhớ ngày, tháng, lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng thì mỗi tháng đóng lãi 100.000 đồng tương ứng 10%/tháng, cụ thể:

Lần 1: Bà H vay của Chị L 80.000.000 đồng, đã đóng lãi 22.000.000 đồng (trong đó lãi 14.000.000 đồng của khoản vay trước (đã trả xong), lúc trước nói giảm 14.000.000 đồng tiền lãi nhưng thực chất không giảm và lấy lãi trước 8.000.000 đồng. Bà có viết biên nhận, có chị Đoàn Thị H1 làm chứng, bà H có thể chấp cho Chị L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1120, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.500 m².

Lần 2: Bà H vay của Chị L 20.000.000 đồng, đã đóng lãi trước 10.000.000 đồng, nhưng làm biên nhận cộng dồn với số tiền 80.000.000 đồng trên thành biên nhận 100.000.000 đồng (biên nhận ngày 01/8/2021 mà Chị L cung cấp).

Lần 3: Bà H vay của Chị L 20.000.000 đồng, đã đóng lãi trước 2.000.000 đồng, có viết biên nhận trên giấy tập học sinh (biên nhận ngày 15/5/2021 Chị L cung cấp), bà H có thể chấp cho Chị L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 874, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.141 m².

Tổng cộng bà vay 120.000.000 đồng, đã đóng lãi 34.000.000 đồng. Sau đó bà H mới ngồi lại bàn bạc và thống nhất với Chị L, có mẹ Chị L là bà Lê Kim H2, bà H còn nợ vốn 120.000.000 đồng, cộng lãi 50.000.000 đồng là

170.000.000 đồng mới viết biên nhận cộng dồn lại từ trước đến nay bà H nợ Chị L 170.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ khoản tiền nào nữa.

Bà H có ký tên trong các biên nhận mà Chị L cung cấp cho Tòa án, do tin tưởng nên nghĩ ký tên vào biên nhận cộng dồn rồi thì các biên nhận trước đó bỏ nên bà H không yêu cầu lấy lại các biên nhận ký trước đó.

Nay bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H chỉ đồng ý trả 120.000.000 đồng vốn cho Chị L, không đồng ý trả lãi.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L;

+ Buộc bà Đặng Thu H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim L tiền vay 270.000.000 đồng và lãi 29.267.000đồng; tổng cộng 299.267.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim L đồng ý trả cho bà Đặng Thu H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 giấy mang tên Đặng Thu H, 01 giấy mang tên hộ bà Đặng Thu H), 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Thu H, 01 sổ hộ khẩu.

+ Về án phí:

Bà Đặng Thu H phải nộp 14.963.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Kim L phải nộp 5.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.460.000đồng theo biên lai số 0007266 ngày 21/02/2022. Sau khi khấu trừ Chị L được nhận lại 5.460.000đồng.

- Ngày 18/7/2022 bà Đặng Thu H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà H phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm Chị L phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H về phần nợ, chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H do thuộc diện được miễn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là bà H chỉ đồng ý trả cho Chị L 120.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H cho rằng bà đã trả lãi cho Chị L nhiều lần nên cần trừ vào vốn, bà H chỉ còn nợ Chị L 120.000.000đ. Còn 04 biên nhận Chị L đưa ra là biên nhận không. Tuy nhiên bà H không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời khai nại của mình.

Bên nguyên đơn Chị L đưa ra chứng cứ là 03 biên nhận ngày 08/12/2020, ngày 15/5/2021, ngày 01/6/2021 để yêu cầu bà H trả số nợ vay 270.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Phần 100.000.000đ là phần lãi và một phần vốn nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 27/10/2021 Chị L chỉ yêu cầu bà H trả nợ 270.000.000đ, vì vậy trong quá trình giải quyết tại Tòa án Chị L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả nợ vốn 270.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận có ký tên và lặn tay vào các biên nhận 03 biên nhận ngày 08/12/2020, ngày 15/5/2021, ngày 01/6/2021.

Nên xác định bà H còn nợ Chị L tiền nợ vốn 270.000.000đ là có cơ sở. Do đó án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L là phù hợp.

Đối với khoản tiền lãi 29.267.000đ tại phiên tòa phúc thẩm Chị L tự nguyện cho bà H, không buộc bà H trả lãi 29.267.000đ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của Chị L, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, Chị L đồng ý trả lại cho bà H thấy phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về khoản nợ vay 270.000.000đ.

Bà H trên 60 tuổi nên thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật, nên sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thu H.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L;

Buộc bà Đặng Thu H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim L tiền vay 270.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Công nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim L cho bà Đặng Thu H khoản tiền lãi 29.267.000đ.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim L đồng ý trả cho bà Đặng Thu H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 giấy mang tên Đặng Thu H, 01 giấy mang tên hộ bà Đặng Thu H), 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đặng Thu H, 01 sổ hộ khẩu.

4. Về án phí:

Bà Đặng Thu H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thu H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Chị Lê Thị Kim L phải nộp 5.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.460.000đồng theo biên lai số 0007266 ngày 21/02/2022. Sau khi khấu trừ Chị L được nhận lại 5.460.000đồng.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông